

Bản án số: 29/2023/DS-ST

Ngày 30-5- 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Trang Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Bà Trần Thị Phương Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 178/2022/TLST –DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông **Phan Thanh T**, sinh năm 1977 (có mặt)

1.2. Bà **Ngô Kim L**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Ngô Kim L: Ông Phan Thanh T, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (theo văn bản ủy quyền ngày 28/7/2022), (vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Vưu Tấn K**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

2.2. Bà **Lê Hồng P**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi ở hiện nay: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2022 và lời khai tại Tòa án, ông Phan Thanh T là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Kim L trình bày: Vào năm 2021, vợ chồng ông T và bà L cho vợ chồng ông Vưu Tấn K và bà Lê Hồng P vay số tiền 100.000.000 đồng, để vợ chồng ông K và bà P

sung vốn kinh doanh bia, nước giải khát. Khi vay tiền, ông Kviết giấy “Biên nhận” đề ngày 30/9/2021 (âm lịch). Lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Sau khi vay, ông K và bà P đã trả được 02 tháng tiền lãi với số tiền 4.000.000 đồng. Từ ngày 01/12/2021 (âm lịch) ông K, bà P không trả tiền lãi và tiền gốc chưa thanh toán. Nay ông T, bà L yêu cầu ông K và bà P cùng thanh toán cho vợ chồng ông T, bà L số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 03/01/2022 (ngày 01/12/2021 âm lịch) đến ngày 23/6/2022, lãi suất 1,67%/tháng là 9.463.000 đồng và yêu cầu tiền lãi từ ngày 24/6/2022 đến khi thanh toán xong nợ, với lãi suất 1,67%/tháng.

Tại phiên tòa ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, do số tiền lãi vượt quá quy định là 660.000 đồng nên ông T đổi trừ tiền gốc, ông T yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc 99.340.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Vưu Tấn K, bà Lê Hồng P từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử, ông K, bà P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, Tòa án có đến nhà ông K, bà P nhưng không gặp ông K, bà P nên không có lời khai của ông K, bà P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L đối với ông K, bà P về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông K, bà P phải có nghĩa vụ trả cho ông T, bà L số tiền nợ gốc 99.340.000 đồng và tiền lãi theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Ông T, bà L khởi kiện ông K, bà P yêu cầu trả tiền nợ vay nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông K, bà P cùng trú tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông K, bà P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K, bà P theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Ông T, bà L khởi kiện yêu cầu ông K, bà P cùng thanh toán số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng theo “Biên nhận ngày 30 tháng 9/21” có chữ ký và chữ viết của ông Vưu Tấn K. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không làm việc được với ông K, bà P. Theo quy định khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo*

những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Do vậy, Tòa án căn cứ vào những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[4] Theo "Biên nhận ngày 30 tháng 9/21" (ký hiệu A) và tài liệu so sánh do Tòa án thu thập là "Tờ khai chứng minh nhân dân ngày 21/10/2015" của Vu Tấn K (ký hiệu M). Tại Kết luận giám định số 40/KL-KTHS ngày 27/3/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh B, kết luận: "1. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký (dạng chữ viết) mang tên Vu Tấn K trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký dưới mục "NGƯỜI KHAI KÝ TÊN" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M có phải do cùng một người ký ra hay không. 2. Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết dưới mục "NGƯỜI KHAI KÝ TÊN" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M do cùng một người ký ra".

[5] Căn cứ vào Kết luận giám định thể hiện chữ viết "Vũ Tấn K1" trong "Biên nhận ngày 30 tháng 9/21" là của ông K1. Từ đó có cơ sở xác định ông K1 có vay tiền của ông T với số tiền 100.000.000 đồng. Ông K1 không cung cấp chứng cứ chứng minh việc trả tiền cho ông T nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông K1 còn nợ ông T số tiền gốc 100.000.000 đồng.

[6] Tại phiên tòa, ông T cho rằng sau khi vay ông K1 trả hai tháng tiền lãi 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/tháng) nên ông T đồng ý đối trừ số tiền lãi vượt quá quy định 1,67%/tháng là 660.000 đồng vào tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, còn lại số tiền nợ gốc 99.340.000 đồng. Do đó, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông K1 và bà P thanh toán tiền nợ gốc 99.340.000 đồng.

[7] Về tiền lãi, ông T cho rằng từ ngày 03/01/2022 (ngày 01/12/2021 âm lịch) ông K1 không trả lãi nên ông T yêu cầu ông K1 trả tiền lãi từ ngày 03/01/2022, với lãi suất 1,67%/tháng. Thấy rằng, Biên nhận không thể hiện lãi suất, ông T cho rằng khi vay thỏa thuận lãi suất 2%/tháng nhưng không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận áp dụng lãi suất 1,67%/tháng theo quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Căn cứ quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) đối với số tiền gốc 99.340.000 đồng. Tiền lãi được tính từ ngày 03/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/5/2023) là 16 tháng 27 ngày, như sau: $99.340.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 16 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 13.934.422 \text{ đồng}$. Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận áp dụng lãi suất 1,67%/tháng là $28.036.728 \text{ đồng} - 13.934.422 \text{ đồng} = 14.102.306 \text{ đồng}$.

[8] Căn cứ vào Trích lục đăng ký kết hôn số 79/2005 ngày 12/7/2005 của Ủy ban nhân dân xã C, thể hiện ông K1 và bà P xác lập quan hệ hôn nhân từ ngày 12/7/2005. Quá trình giải quyết vụ án, bà P không cung cấp chứng cứ chứng minh số tiền vay 100.000.000 đồng là nợ riêng của anh K1. Thấy rằng, số tiền nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông K1 với bà P. Theo quy định Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định số tiền vay 100.000.000 đồng là nợ chung của ông K1, bà P nên ông K1, bà P cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông T, bà L.

[9] Căn cứ quy định khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L đối với ông K1, bà P; Buộc ông K1, bà P cùng có nghĩa vụ thanh toán cho ông T, bà L số tiền gốc 99.340.000

đồng và tiền lãi 13.934.422 đồng; tổng cộng gốc , lãi tính đến ngày ngày 30/5/2023 là 113.274.422 đồng và tiền lãi đến khi thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[10] Chi phí giám định chữ ký, chữ viết 8.502.000 đồng, ông K1 và bà P phải chịu. Ông T đã dự nộp số tiền 8.502.000 đồng, ông K1 và bà P phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông T số tiền 8.502.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

[11] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch : Ông K1, bà P phải chịu án phí 5% đối với số tiền 113.274.422 đồng là 5.663.721 đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi. Ông T, bà L phải chịu án phí 5% của số tiền 14.102.306 đồng do không được Tòa án chấp nhận là 705.115 đồng. Ông T đã nộp 2.736.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001273 ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, đối trừ số tiền 705.115 đồng, ông T được hoàn lại 2.030.885 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

[12] Từ đó, có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh T, bà Ngô Kim L đối với ông Vu Tấn K, bà Lê Hồng P, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc ông Vu Tấn K, bà Lê Hồng P cùng có nghĩa vụ trả cho ông Phan Thanh T, bà Ngô Kim L số tiền gốc , lãi tính đến ngày 30 tháng 5 năm 2023 là 113.274.422 đồng (một trăm mười ba triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng), trong đó tiền gốc 99.340.000 đồng (chín mươi chín triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) và tiền lãi 13.934.422 đồng (mười ba triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh T, bà Ngô Kim L đối với ông Vu Tấn K, bà Lê Hồng P về yêu cầu tiền lãi 14.102.306 đồng (mười bốn triệu một trăm lẻ hai nghìn ba trăm lẻ sáu đồng).

5. Chi phí giám định chữ ký, chữ viết ông Vu Tấn K, bà Lê Hồng P phải chịu số tiền 8.502.000 đồng (tám triệu năm trăm lẻ hai nghìn đồng). Ông Phan

Thanh T, bà Ngô Kim L đã dự nộp số tiền 8.502.000 đồng (tám triệu năm trăm lẻ hai nghìn đồng). Buộc ông Vu Tấn K, bà Lê Hồng P cùng phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Phan Thanh T, bà Ngô Kim L số tiền 8.502.000 đồng (tám triệu năm trăm lẻ hai nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

6.Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch : Ông Vu Tấn K, bà Lê Hồng P phải chịu số tiền 5.663.721 đồng (năm triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi một đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi. Ông Phan Thanh T, bà Ngô Kim L phải chịu số tiền 705.115 đồng (bảy trăm lẻ năm nghìn một trăm mười lăm đồng). Ông Phan Thanh T, bà Ngô Kim L đã nộp 2.736.000 đồng (hai triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001273 ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, trừ số tiền 705.115 đồng (bảy trăm lẻ năm nghìn một trăm mười lăm đồng), ông Phan Thanh T và bà Ngô Kim L được hoàn lại 2.030.885 đồng (hai triệu không trăm ba mươi nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8.Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án . Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- THADS huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Ngô Trang Thảo